

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC, ngày 11/11/2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 216/TTr-STC ngày 09/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung cụ thể như sau:

- Tên dự án: Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Địa điểm thực hiện: tỉnh Vĩnh Long.

- Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long (nay là Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long theo Nghị quyết 207/NQ-HĐND ngày 17/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

- Thời gian khởi công: năm 2020.

- Thời gian hoàn thành: năm 2024.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		36.721.167.000	29.757.763.816
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	-	-
2	Xây dựng	-	-
3	Quản lý dự án	-	-
4	Tư vấn ĐTXD	33.115.288.000	29.525.373.816
5	Chi phí khác	294.350.000	232.390.000
6	Dự phòng	3.311.529.000	-

2. Nguồn vốn đầu tư:

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán	Đã thanh toán	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
Tổng số		36.721.167.000	29.757.763.816	29.707.383.816	50.380.000	-
1	Vốn ngân sách tỉnh	36.721.167.000	29.757.763.816	29.707.383.816	50.380.000	-

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số		-	-	29.757.763.816	-
1	Tài sản dài hạn	-		29.757.763.816	-
2	Tài sản ngắn hạn	-	-	-	-

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

- Chi phí không tạo nên tài sản: Không

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	29.757.763.816	

- Tổng các khoản nợ tính đến ngày 26 tháng 12 năm 2024:

+ *Tổng nợ phải thu: 0 đồng.*

+ *Tổng nợ phải trả: 50.380.000 đồng.*

- Xử lý công nợ: Trên cơ sở quyết định phê duyệt quyết toán, Chủ đầu tư làm việc với các tổ chức, đơn vị có liên quan để thanh toán công nợ và tất toán dự án theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản cố định:

Đvt: đồng

STT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long	29.757.763.816	-

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan: Phối hợp cùng Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán, tất toán dự án theo quy định.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Theo quy định.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện đối với số liệu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quyết toán, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng Giao dịch số 12
thuộc KBNN khu vực XVII;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 136.KTNV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**